

ALMEIDA
THEATRE



RODNEY ACKLAND
**BEFORE
THE PARTY**

based on a short story by W. Somerset Maugham

OBERON MODERN PLAYS

Chết cũng không chừa
Nguyên tác: Before the party

Somerset Maugham

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

[Giới thiệu tác giả](#)
[Chết cũng không chừa](#)

- [\[1\]](#)
- [\[2\]](#)
- [\[3\]](#)
- [\[4\]](#)
- [\[5\]](#)
- [\[6\]](#)
- [\[7\]](#)
- [\[8\]](#)
- [\[9\]](#)

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



William Somerset Maugham là nhà văn Anh, sinh năm 1874 và sống ở Pháp cho đến khi lên mười. Học xong đại học ở Anh, ông làm thầy thuốc tại bệnh viện. Có nhiều khiếu văn chương, ông sớm bắt đầu viết tiểu thuyết và thành công với vài tác phẩm đầu tay, rồi chuyển hẳn sang sáng tác văn học. Ông nổi tiếng với hai truyện dài **Kiếp người** (*Of Human Bondage* - 1914) và **Mặt trăng và đồng sáu xu** (*The Moon and sixpence* - 1919). Trong số sách được xuất bản sau đó có: **Bức bình phong** (*The Painted Veil* - 1925), **Quý Ngài trong phòng khách** (*The Gentleman in the Parlour* - 1930), **Don Fernando** (1935), **Lưỡi dao cạo** (*The Razor's Edge* - 1944), **Sổ tay nhà văn** (*A Writer's Notebook* - 1949), **Cách nhìn thiên vị** (*Points of View* - 1958), ...

W.S. Maugham đồng thời cũng là một nhà soạn kịch trứ danh với những sáng tác như: **Phu nhân Frederick** (*Lady Frederick* - 1907), **Đất hứa** (*Land of Promise* - 1913).

Ông cũng là tác giả nhiều truyện ngắn rất được hoan nghênh. Tập truyện ngắn của ông được tái bản nhiều lần với số lượng mấy trăm nghìn bản, ví dụ như **Mưa**.

CHẾT CŨNG KHÔNG CHỪA

Trước khi đi dự bữa tiệc do ông Heywood khoản đãi, để mừng vị Giám mục Hương Cảng mới về Anh, gia đình Skinner gồm hai ông bà (ông làm đại tưng ở miền ngoại ô Londres), hai cô con gái: cô chị, Millicent mới góa chồng được tám tháng (chồng là Harold, trước làm chủ một quán ở Bornéo), cô em là Kathleen, chưa có chồng, họp nhau trong một phòng trang điểm, và cô Kathleen hỏi chị về một tin cô mới được biết[1].

...Ánh sáng từ cửa sổ chiếu vào khuôn mặt nặng nề của quả phụ trong khi nàng lặng lẽ bước tới. Kathleen quay lưng ra ánh sáng nhìn chị một lát rồi bảo:

- Chị Millicent à, sáng nay em chơi golf với Gladys Heywood.

Millicent hỏi:

- Em có thắng không?

Gladys là người con gái duy nhất chưa ra ở riêng của ông bà Heywood.

- Chị ấy nói về chị một chuyện mà em cần phải kể lại cho chị nghe.

Millicent nhìn lên khỏi đầu của em, thấy đứa con gái của nàng đương tưới hoa ngoài vườn.

Nàng hỏi mẹ:

- Má đã bảo chị Anie chiều nay cho Joan dùng bữa trà[2] ở trong bếp chưa.

- Rồi, nó sẽ ăn chung với gia nhân.

Kathleen lạnh lùng nhìn chị, nói tiếp:

- Đức Giám mục trên đường về, có ghé Singapore hai ba ngày, Ngài thích du lịch lắm. Ở Bornéo ngài biết được nhiều người quen của chị.

Bà Skinner bảo:

- Được gặp con hôm nay, chắc ngài mừng lắm. Ngài có gặp anh Harold lần nào không nhỉ, tội nghiệp anh.

- Có, gặp ở Kuala Solor. Ngài còn nhớ anh và hay tin anh mất. Ngài xúc động lắm.

Millicent ngồi xuống và bắt đầu đeo “găng” đen. Bà Skinner ngạc nhiên rằng sao Millicent làm thình mà để Kathleen đáp như trên. Bỗng bà bảo:

- Ủa, Millicent, tấm hình anh Harold đâu mất rồi.

- Con đã dẹp đi rồi.

- Má tưởng con muốn giữ nó ở gần con chứ.

Millicent cũng vẫn làm thình. Thói đó đáng ghét quá.

Kathleen khẽ quay mặt về phía chị:

- Chị Millicent, sao chị lại bảo anh ấy chết vì bệnh sốt.

Quả phụ không hề nhúc nhích, điềm tĩnh ngó em, nhưng nước da sạm của nàng hơi ửng lên một chút. Nàng không đáp.

Bà Skinner ngạc nhiên hỏi:

- Con muốn nói gì vậy Kathleen?

- Đức Giám mục bảo anh Harold đã tự tử.

Bà Skinner hoảng hốt kêu lên, nhưng ông chồng đã đưa tay ra dấu bảo im.

- Phải vậy không Millicent?

- Phải.

- Tại sao con không nói thực ra?

Millicent suy nghĩ một lát, tay mân mê một đồ bằng đồng Brunei đặt trên bàn, bên cạnh

nàng. Món đồ đồ cũng của Harold gửi tặng cha mẹ vợ.

- Con đã nghĩ, tốt hơn nên cho cháu Joan tin rằng ba nó chết vì bệnh sốt. Con không muốn cho nó biết sự thật.

Kathleen khẽ cau mày bảo:

- Chị đặt ba má và em vào một hoàn cảnh khó xử quá. Gladys trách em đã nói dối chị ấy. Em khó khăn lắm mới làm cho chị ấy tin rằng em có hay biết gì đâu. Chị ấy bảo bác trai có vẻ bất bình lắm: Hai nhà quen biết nhau từ lâu như vậy, nhất là bác ấy đã làm phép cưới cho chị[3] mà sao lại giấu giếm bác ấy như vậy. Mà nếu không muốn cho bác ấy biết sự thực thì cũng đừng nên nói dối bác mới phải chứ.

Ông Skinner chua chát bảo:

- Bác ấy trách như vậy là đúng.

- Dĩ nhiên em đã trả lời chị Gladys rằng chị nói xạo thì em lặp lại với chị ấy như vậy, em chẳng có gì đáng trách cả.

Millicent nói:

- Chị mong rằng chuyện đó không làm cho em mất vui trong cuộc đánh golf chứ.

Ông Skinner la:

- Ăn nói sao mà vô duyên. Rồi ông đứng phắt dậy, bước lại phía lò sưởi không có lửa, và do thói quen, ông tựa vào đó, quay lưng lại, hai vạt áo có đuôi tôm bạnh ra.

Millicent bảo:

- Đó là chuyện của con, con không muốn nói ra là quyền của con.

Bà Skinner rên rỉ:

- Con không thương má chút nào sao? Với mẹ, mà con cũng giấu nữa.

Millicent nhún vai.

Kathleen bảo:

- Vậy chị không nghĩ rằng giấu cách nào rồi thiên hạ cũng biết cả sao.

- Làm sao mà chị ngờ được rằng hai lão mục sư già hót lẻo đó hết chuyện rồi, phải đem chuyện của chị ra mà ngồi lê đôi mách.

- Khi Đức Giám mục bảo có ghé Bornéo thì hai bác Heywood tất nhiên phải hỏi ngài có biết hai anh chị không.

Ông Skinner ngắt lời:

- Vấn đề không phải ở đó. Vấn đề là con phải cho biết sự thực ra sao, để rồi cùng quyết định chung thái độ. Cứ giấu giếm thì chỉ gây thêm sự khó khăn. Ba làm đại tưng, có kinh nghiệm như vậy.

Bà Skinner bảo:

- Tội nghiệp anh Harold. Ghê gớm quá. Anh ấy đối với tôi luôn luôn rất tốt. Sao mà đến nông nổi bi thảm như vậy.

Hai hàng lệ bắt đầu chảy trên cặp má loang lổ của bà.

- Tại khí hậu.

Ông Skinner bảo:

- Đầu đuôi ra sao, con kể cho ba má nghe nào, Millicent.

- Để Kathleen kể...

Kathleen do dự:

- Đức Giám mục bảo rằng anh ấy tự cứa cổ.

Bà Skinner hỗn hển, nghẹn ngào, vội chạy lại ôm chầm lấy người con gái góa chồng của bà. Bà khóc nức nở.

- Tội nghiệp con.

Nhưng Millicent né ra:

- Kì cục quá má. Con không chịu được trò đó đâu.

Ông Skinner cau mày rầy con:

- Hỗn nào, Millicent.

Bà Skinner lấy khăn mùi xoa nhẹ nhàng chậm chậm nước mắt rồi lắc đầu thở dài trở về chỗ cũ. Kathleen bồn chồn mân mê sợi dây chuyền dài ở cổ.

- Thật không tưởng tượng nổi, phải đợi một chị bạn kể cho tôi nghe, tôi mới được biết những chi tiết về cái chết của anh rể tôi. Thiên hạ sẽ cười cả gia đình mình. Đức Giám mục muốn gặp chị để chia buồn với chị, chị Millicent. (Nàng ngừng lại, nhưng Millicent không nói gì hết). Ngài bảo rằng chị Millicent đi xa đâu đó với cháu Joan, khi về nhà thì thấy anh Harold chết ở trên giường, tội nghiệp.

Ông Skinner bảo:

- Lúc đó chắc con kinh hoảng phải không con?

Bà Skinner lại khóc, nhưng Kathleen đặt nhẹ bàn tay lên vai bà:

- Đừng khóc má, thiên hạ thấy mắt má đỏ hoe, sẽ ngạc nhiên.

Mọi người làm thinh trong khi bà chùi mắt và gắng nuốt lệ (...)

Kathleen bảo:

- Còn nữa chứ chưa hết.

Millicent lại từ từ quay mặt lại nhìn em một cách chăm chú, điềm tĩnh. Nàng có vẻ một người lắng tai bắt một tiếng động nào đó, chỉ sợ e bắt hụt.

Kathleen nói tiếp:

- Em không muốn làm cho chị buồn, nhưng em nghĩ cần cho chị hay điều này nữa. Đức Giám mục bảo anh Harold nghiện rượu.

Bà Skinner la:

- Ôi, ghê gớm quá. Sao mà độc ác thế. Gladys kể lại cho con nghe như vậy. Ừ, con đáp ra

sao?

- Con bảo là hoàn toàn sai.

Ông Skinner giận dữ bảo:

- Đó, cứ giấu nhẹm thì hậu quả như vậy đấy. Luôn luôn như vậy. Muốn im một chuyện nào đi thì chỉ gây ra đủ các lời đồn đại còn tệ gấp mười sự thực nữa.

- Ở Singapore, người ta kể với Đức Giám mục rằng anh Harold đã tự tử trong một cơn mê sảng. Vì danh dự gia đình mình, chị phải cải chính lời đó đi, chị Millicent.

Bà Skinner bảo:

- Nói xấu một người chết rồi như vậy có phải ghê tởm không chứ. Rồi còn có hại cho cháu Joan khi nó lớn lên nữa.

Ông Skinner hỏi:

- Do đâu mà có chuyện đồn bậy vậy, Millicent? Harold có bao giờ rượu chè gì đâu.

Quả phụ đáp:

- Ở đấy mà ra cả.

- Nó uống rượu sao?

- Như hũ chìm. Lời đáp bất ngờ đó và giọng chua chát của Millicent làm cho cả ba người giật mình. Bà mẹ chấp hai tay mới đeo găng mới lại, la lên:

- Chồng con chết rồi mà sao con nỡ nói như vậy hả. Má không hiểu nổi con nữa. Từ khi con về đây, má thấy con kì cục quá, không ngờ nổi con của má lại có thể có thái độ như vậy đối với cái chết của chồng.

Ông Skinner xen vào:

- Thôi bà. Để sau này sẽ nói về chuyện đó. Ông lại cửa sổ, nhìn khu vườn nhỏ dưới ánh nắng rồi trở vô giữa phòng, móc trong túi ra cặp kính kẹp mũi, và tuy không có ý đeo mà cũng lấy khăn mùi xoa chùi thật kĩ. Millicent ngó cha và rõ ràng là trong cặp mắt nàng có cái vẻ mỉa mai, trâng tráo.

Ông Skinner bất bình. Ông đã làm xong công việc trong tuần rồi và được rảnh tới sáng thứ hai. Mặc dù ông bảo với vợ rằng phải dự cuộc tiếp tân ngoài vườn này, thật là phiền, giá được yên ổn uống trà trong vườn ông lại vui thú hơn, mặc dù vậy, ông cũng chờ đợi nó, đứng ngồi không yên. Ông không quan tâm gì tới công việc truyền giáo ở Trung Hoa, nhưng muốn gặp Đức Giám mục. Và bây giờ thì xảy ra chuyện đó, mà ông không muốn dính vào chút nào cả. Còn gì bức mình bằng tình hình được biết rằng chàng rể của mình say rượu rồi tự tử. Millicent trầm ngâm vuốt vuốt cổ tay áo. Thấy nàng cứ thản nhiên, ông Skinner nổi quạu, nhưng không rầy nàng mà lại gây với cô em.

- Kathleen, sao đứng như trời trồng đó hả. Trong phòng này thiếu ghế ngồi ư?

Kathleen kéo một chiếc ghế lại, rồi không nói một tiếng, ngồi xuống. Ông Skinner ngừng lại ở trước mặt Millicent nhìn vào mắt con, bảo:

- Tao hiểu rồi, tại sao mày nói rằng Harold chết vì bệnh sốt. Theo tao, nói vậy là bậy, vì sớm

muộn gì người ta cũng biết sự thực. Tao không biết là lời Đức Giám mục nói với ông bà Heywood đúng tới mức nào, nhưng nếu mày nghe lời tao thì mày phải kể rành mạch từng chi tiết ra, rồi tao sẽ tính cho. Không hy vọng gì tin đó chỉ gia đình ông bà Heywood biết thôi. Trong một nơi như nơi này, thiên hạ ưa kháo chuyện nhau. Phải cho tao biết sự thực rồi mới dễ đối phó.

Bà Skinner và Kathleen cho là phải, và đợi Millicent trả lời. Nàng cứ thản nhiên nghe, nét ửng đỏ bỗng hiện lúc này đã biến mất và mặt nàng lại rầu rầu như cũ. Nàng bảo:

- Sự thực, nói ra sẽ không vui gì.

Kathleen cất giọng trịnh trọng:

- Chị nên biết rằng ba má và em có thiện cảm với chị và hiểu chị.

Millicent liếc nhìn em, khẽ mỉm cười một cách khinh khỉnh, bình tĩnh ngó cả ba người. Bà Skinner có cảm giác khó chịu rằng con gái mình nhìn họ như nhìn những tượng gỗ trong một tiệm may. Millicent có vẻ như sống trong một thế giới khác không liên quan gì tới thế giới của họ cả. Nàng ngẫm nghĩ rồi bắt đầu:

- Khi cưới anh Harold, con không yêu anh.

Bà Skinner suýt thốt ra một tiếng kêu thì ông chồng vội vàng khẽ ra dấu ngăn lại: sau bao nhiêu năm chung sống người ta dễ hiểu nhau lắm. Millicent kể tiếp, chậm chạp, đều đều, giọng không lên không xuống:

- Hồi đó con hai mươi bảy tuổi mà không có người nào khác muốn hỏi con cả. Anh ấy bốn mươi bốn tuổi, không còn trẻ gì nữa, nhưng có một địa vị khả quan. Con không hi vọng gì gặp một cơ hội tốt hơn.

Bà Skinner lại sắp khóc, nhưng vội nén được vì nhớ sắp dự cuộc tiếp tân. Bà rên rí:

- Bây giờ má hiểu tại sao con cất tấm hình của chồng con đi.

Kathleen bảo:

- Thôi đi má.

Tấm hình ấy, chụp hồi làm lễ hỏi, khéo lắm. Bà bao giờ cũng khen chàng rể bà đẹp trai. Lực lưỡng cao lớn, có lẽ hơi mập một chút, vẻ đàng hoàng, oai vệ. Ngay từ hồi đó, đầu đã muốn hói rồi, nhưng thời này đàn ông rụng tóc sớm lắm và Harold bảo đội nón “cát thuộc địa”[4] có hại cho tóc. Râu mép đen, mặt rạm nắng. Đẹp nhất là cặp mắt lớn và nâu, em Joan cũng có cặp mắt đó của cha. Nói chuyện có duyên. Kathleen chê anh rể kiểu cách nhưng bà Skinner không nghĩ vậy. Bà không ghét những người đàn ông làm bộ nghiêm trang, và khi thấy Harold mê Millicent thì bà càng quý chàng hơn nữa. Chàng luôn luôn rất ân cần với bà và khi chàng kể chuyện về cái quận chàng cai trị cùng các thú dữ chàng săn được thì bà làm ra vẻ thích nghe lắm. Kathleen chê chàng tự đắc, nhưng thế hệ của bà cho đàn ông mà tự đắc là chuyện thường. Millicent thấy ngay gió thổi chiều nào, mặc dù nàng không nói gì với mẹ, bà cũng hiểu rằng nếu Harold hỏi thì nàng không từ chối.

Harold ở chơi tại nhà những người đã sống ba chục năm ở Bornéo và khen xứ đó lắm. Phụ nữ (da trắng) ở đó được lắm chứ sao không? Dĩ nhiên trẻ tới bảy tuổi thì phải cho về Anh

nhưng bà Skinner cho rằng lo trước về việc đó vô ích. Bà mời Harold lại ăn tối và bảo chàng ngày nào tới buổi trà, bà cũng tiếp khách. Chàng có vẻ nhàn nhã quá, không biết làm gì và đến khi chàng rời nhà các bạn cũ, bà mời chàng ở lại nhà bà nửa tháng. Gần hết nửa tháng đó thì Harold và Millicent hứa hôn với nhau. Đám cưới linh đình, cưới xong họ đi du ngoạn Venise rồi qua Viễn Đông. Tàu ghé bến nào Millicent cũng gửi thư về. Hồi đó nàng có vẻ sung sướng. Nàng kể tiếp:

- Ở Kuala Solor, con được tiếp đãi niềm nở (Kuala Solor là thủ đô của Sembulu). Chúng con ở nhà viên Công sứ và người nào cũng mời chúng con dự tiệc. Một hay hai lần, có người mời anh Harold uống rượu nhưng anh từ chối, bảo bây giờ đã có vợ rồi thì cuộc đời đã thay đổi. Con không hiểu tại sao nghe như vậy mọi người đều cười. Bà Gray, vợ viên Công sứ bảo mọi người đều mừng rằng anh Harold đã lập gia đình. Một người độc thân mà ở tại những nhiệm sở hẻo lánh đó, thì thấy cô độc kinh khủng. Khi chúng con rời Kuala Solor, bà Gray chúc con đi đường bình an mà có thái độ lạ lùng quá, khiến con ngạc nhiên. Có vẻ như bà long trọng nhờ con săn sóc anh Harold vậy.

Ba người kia lặng lẽ nghe nàng. Kathleen vẫn chăm chú nhìn nét mặt thản nhiên của chị, còn ông Skinner thì dăm dăm nhìn những khí giới Mã Lai treo trên tường trước mặt ông, ngay phía trên cái đi vắng nơi bà vợ ngồi.

- Mãi năm rưỡi sau, trở lại Kuala Solor, con mới hiểu được thái độ của họ.

Millicent cười gần một tiếng kì cục, đầy vẻ khinh bỉ:

- Lúc đó con mới biết được nhiều chuyện lắm. Thì ra trước kia Harold về Anh chỉ để cưới vợ. Cưới ai cũng được, không cần lựa. Má còn nhớ không, chúng ta đã gắng sức câu ảnh? Rõ phí công.

Lời đó làm cho bà Skinner phật ý, nên bà gay gắt hỏi:

- Con muốn nói gì vậy. Má thấy rõ ràng anh ấy phải lòng con mà.

Millicent nhún vai (vai nàng thật đồ sộ):

- Một con sâu rượu, trước khi cưới, đêm nào cũng đem vào giường một chai whisky và chưa tới sáng thì đã nốc hết. Viên chánh văn phòng ở Kuala Solor cảnh cáo ảnh nếu không chừa rượu thì phải đưa đơn từ chức đi. Người ta khoan hồng với ảnh, lần cuối cùng nữa, cho anh về Anh và khuyên anh cưới vợ để khi trở lại nhiệm sở, có vợ coi chừng cho. Ở Kuala Solor người ta đánh cá với nhau xem con làm cho ảnh chừa rượu được bao lâu.

Bà Skinner ngắt lời:

- Nhưng anh ấy yêu con mà. Con không biết, nói chuyện với mẹ, ảnh khen con ra sao, và khi sanh con Joan, ảnh viết thư cho má nói về con, lời dễ thương ra sao.

Millicent nhìn mẹ, cặp má nhợt nhạt ửng đỏ lên, hai bàn tay đặt trên đùi hơi run run. Nàng nhớ lại hồi mới cưới, chiếc tàu của sở chở họ tới vàm sông; đêm đầu tiên ngủ trong nhà công quán mà Harold gọi đùa là biệt thự trên bờ biển của họ. Hôm sau họ đi ngược dòng sông bằng chiếc *prahu*[5]. Đọc tiểu thuyết nàng tưởng những con sông ở Bornéo bí mật và ảm đạm lắm, nhưng ở đây, mây trắng trôi trên vòm trời xanh, và những lá cây xoài, cây *nipah*[6] lấp lánh ở bên dòng nước tràn bờ. Rừng hoang âm u trải ra ở hai bên bờ và xa xa là một dãy núi nhấp nhô.

Sáng sớm gió mát, hít vào thật khỏe khoắn. Nàng có cảm tưởng đến một miền vui vẻ, phì nhiêu, bao la và tự do. Họ nhìn những đàn khỉ ngồi trên những cành cây chằng chịt, và một lần Harold trở cho nàng một cái gì như một khúc cây, bảo đó là con cá sấu. Viên phó của Harold mặc đồ trắng đội nón cát ra đón ở cầu tàu, và mười hai người lính nhỏ gọn gàng đứng xếp hàng bỗng súng chào. Harold giới thiệu viên phó với vợ. Tên thầy ta là Simpson. Thầy bảo Harold:

- A, ông về tôi mừng quá. Vắng ông tôi thấy cô độc làm sao.

Nhà của chủ quận ở trên một ngọn đồi nhỏ, chung quanh có vườn mọc đủ các thứ hoa rực rỡ. Cõi có vẻ hơi tồi tàn, đồ đạc chẳng có gì, nhưng phòng nào phòng nấy thanh thản, mát mẻ. Harold trở cho vợ:

- *Kampong*[7] ở dưới kia.

Millicent nhìn theo ngón tay của chồng, từ bụi dừa vắng lên tiếng phèng la. Và lòng nàng khẽ rung động một cảm xúc kì dị.

Tuy gần như chẳng có công việc gì để làm nhưng mà nàng thấy ngày tháng cũng trôi qua dễ dàng, không buồn chán. Hùng đông, một người bồi bưng trà lên cho họ, và họ thơ thẩn dưới mái hiên, không khí thoang thoảng hương trầm của ban mai (Harold bận gi-lê và quần xà rồng, còn nàng thì bận áo dài thường trong nhà) cho tới giờ điểm tâm. Thế rồi Harold qua Sở, nàng ở nhà học một hai giờ tiếng Mã Lai. Sau bữa trưa, chàng lại đi làm việc, nàng đánh một giấc. Tối bữa trà chàng về, và hai người đi dạo mát hoặc chơi golf trên một sân golf có chín lỗ ở phía sau nhà trong một khu rừng Harold đã cho khai phá. Sáu giờ mặt trời lặn. Simpson lại uống một thứ gì để giải khát, họ nói chuyện tới bữa tối, và đôi khi hai người đàn ông đánh cờ với nhau. Cảnh đêm thú tuyệt. Đom đóm biến những bụi cây dưới hiên thành những đèn hiệu lập lòe mà ánh sáng mát dịu. Những cây lớn đầy bông tỏa hương ngào ngạt. Sau bữa tối họ đọc báo phát hành ở Londres từ sáu tuần trước, rồi đi ngủ. Millicent hãnh diện đã có chồng và một ngôi nhà riêng, và nàng cũng thích nhìn mấy gia nhân bản xứ mặc xà rồng sắc sỡ đi chân không trong nhà, lặng lẽ mà thân mật. Nàng có cảm giác thích thú rằng mình là một bà lớn, vợ một quan chủ quận. Nàng phục chồng nói thạo tiếng bản xứ, có uy quyền và trang nghiêm. Thỉnh thoảng nàng qua Tòa nghe chàng xử án. Chàng phải cáng đáng bao nhiêu việc, làm trọn được cả, tài thật. Simpson bảo rằng Harold hiểu người bản xứ y như người bản xứ vậy. Cương quyết, tế nhị mà lại vui tính, chàng có đủ những đức cần thiết để đối xử với giống người vừa nhút nhát, hay thù hằn, lại vừa đa nghi đó. Millicent bắt đầu ngưỡng mộ chồng một chút.

Họ sống như vậy gần được một năm thì hai nhà sinh vật học Anh đi nghiên cứu trong nội địa, ghé nhà họ vài ngày. Vì viên Thống đốc nòng nài giới thiệu nên Harold định tiếp đãi hai người ấy một cách long trọng. Có họ tới, đời sống mới thay đổi, vui lên một chút. Millicent mời Simpson lại ăn tối (vì thầy ở trong đồn, chỉ tối chủ nhật mới ở lại dùng bữa với vợ chồng Harold) và ăn xong, bọn đàn ông đánh bài bridge với nhau. Millicent để mặc họ, và một lát sau nàng đi ngủ, nhưng họ ồn ào quá, nàng trằn trọc mãi mới ngủ được. Mãi khuya, không biết mấy giờ, Harold mới lảo đảo vô phòng, làm nàng tỉnh dậy. Nàng làm thình. Trước khi đi ngủ, chàng muốn tắm cho mát, phòng tắm ở ngay dưới chỗ họ nằm và chàng bước xuống cầu thang. Chắc chàng đã trượt chân vì nghe có tiếng “rầm”, tiếp theo là tiếng chàng chửi thề. Rồi có tiếng chàng nôn mửa. Sau khi xối ào ào mấy thùng nước cho bớt nhức đầu, chàng mới dè dặt trở lên len lén lên giường nằm. Millicent tởm quá, làm bộ ngủ. Harold say rượu. Nàng định bụng hôm

sau sẽ rầy chồng: như vậy không sợ hai ông khách kia khinh à? Nhưng sáng dậy Harold có vẻ nghiêm trang, đành hoàng thành thử nàng không dám nhắc tới việc đó nữa. Tám giờ chủ và khách ngồi ăn điểm tâm. Harold nhìn bàn ăn bảo:

- Có món cháo. Em Millicent này, anh chắc hai ông đây chỉ muốn ăn món sốt Worcester chứ không cần thứ gì khác đâu. Còn anh thì một li whisky soda cũng đủ rồi.

Hai nhà tự nhiên học cười cười nhưng có vẻ hơi ngượng. Một người bảo:

- Ông nhà thật là quá sá.

Harold trịnh trọng đáp:

- Đêm đầu tiên hai ông nghỉ lại đây mà tôi không ép hai ông uống tới say thì tôi thất lễ mất rồi.

Millicent chưa chút mỉm cười, nhưng tự an ủi rằng không phải chỉ riêng chồng mình say. Hôm đó, nàng ngồi tiếp chuyện họ suốt buổi tối và họ không thức khuya nữa. Khi khách từ biệt để lên đường, nàng mừng. Cuộc đời của hai vợ chồng lại trôi lặng lẽ như trước. Vài tháng sau, Harold đi thanh tra các miền trong quận, về bị một cơn sốt rét nặng. Nàng đã được nghe nhiều người nói về bệnh đó, lần này mới được thấy tận mắt. Nàng không ngạc nhiên rằng khi hết cơn rồi Harold vẫn còn lầy bầy. Nhưng nàng thấy chàng có vẻ kì cục. Ở sở về, chàng nhìn nàng, cặp mắt đại hăn đi; đứng ở dưới hiên hơi lảo đảo nhưng vẫn trang nghiêm, chàng nói hoài về tình hình chính trị ở Anh. Nếu đương nói mà sượng lại, mất mối liên lạc của tù trưởng thì chàng láu lỉnh nhìn vợ, trái hăn với vẻ trịnh trọng thường ngày và bảo:

- Cái bệnh sốt rét mắc dịch đó, nó làm mình kiệt sức. Em à, em không biết phải cần biết bao nghị lực để làm được một cột trụ chống đỡ đế quốc![8]

Nàng cảm thấy Simpson bắt đầu tỏ vẻ lo ngại. Một đôi lần ngồi một mình với nàng, thầy ta đã định nói gì mà rụt rè không dám. Cảm tưởng đó mỗi ngày mỗi mạnh, khiến nàng bứt rứt khó chịu và một buổi chiều không hiểu tại sao Harold về trễ, nàng phải thỉnh lĩnh cất vấn:

- Thầy có gì muốn nói với tôi phải không, thầy Simpson?

Simpson đỏ mặt lên, ngập ngừng:

- Có gì đâu. Tại sao bà lại nghĩ vậy?

Simpson là một thanh niên gầy gò trạc hai mươi bốn tuổi tổn công săn sóc mớ tóc gọn sóng lăm, bôi sáp ép nó sát đầu. Cổ tay bị muỗi đốt sưng lên thành sẹo. Millicent dăm dăm nhìn thầy.

- Nếu có điều gì liên quan đến anh Harold thì thầy nên thẳng thắn cho tôi hay.

Thầy đỏ mặt tía tai lên, ngồi không yên trên chiếc ghế mây. Nàng thúc. Sau cùng thầy phải nói:

- Tôi ngại bà cho tôi là xác láo, nói xấu chủ khi chủ vắng mặt. Bệnh sốt rét thật ghê gớm, sau mỗi lần lên cơn, người ta thấy mệt dừ.

Thầy lại ngập ngừng, mép xệ xuống như sắp khóc. Millicent có cảm tưởng ngồi trước mặt một em nhỏ. Nàng mỉm cười, ráng giấu nỗi lo ngại của mình.

- Tôi sẽ câm như hến, thầy cứ nói đi.

- Đáng tiếc rằng ông nhà lúc nào cũng có một ve whisky ở trong phòng giấy, thành thử ông mềm môi cứ muốn uống thêm một li, một li nữa...

Giọng Simpson khàn khàn vì xúc động. Millicent bỗng thấy rung mình. Nàng tự chủ được vì biết được rằng phải làm cho thầy ta yên tâm thì thầy mới nói hết cho mà nghe. Simpson không muốn nói thêm nữa. Nàng thúc giục, dỗ ngọt. Viện tới ý thức về bốn phận của thầy ta, sau cùng khóc lóc. Lúc đó thầy mới thú thực rằng nửa tháng nay Harold thường say rượu, bọn thổ dân kháo nhau bảo rằng viên chủ quận của họ sắp bê bối như hồi chưa cưới. Trước kia Harold có thời uống rượu nhiều quá. Nhưng Millicent hỏi gì thì hỏi, Simpson nhất định không cho biết gì về thời ấy thêm.

Nàng hỏi:

- Thầy có nghĩ rằng hiện lúc này đây, nhà tôi đương uống rượu không?

- Tôi không biết.

Millicent bỗng thấy mặt mình nóng bừng lên, vừa xấu hổ, vừa tức giận. Cái đồn thực ra chỉ để chứa súng ống, đạn dược, cũng dùng làm tòa án nữa, cất đối diện với nhà quận trưởng, trong một khu vườn riêng. Mặt trời sắp lặn, nàng không cần đội nón, đứng dậy đi qua bên đó, thấy Harold ngồi trong phòng giấy, phía sau sảnh đường, nơi xử án. Trước mặt chàng, đặt một chai whisky. Chàng đương hút thuốc, nói gì với ba bốn người Mã Lai, họ đứng nghe, vừa khúm núm, mà vừa mỉm cười khinh bỉ. Mặt chàng đỏ.

Mấy người Mã Lai thấy nàng vô, lảng đi mất. Nàng nói:

- Em lại xem anh làm gì.

Luôn luôn lịch sự với vợ, chàng muốn đứng dậy, nhưng rồi lảo đảo. Thấy đứng không vững, chàng lại cố làm ra vẻ đàng hoàng hơn nữa.

- Ngồi xuống, em, ngồi xuống. Anh có công việc gấp, phải ở lại.

Nàng giận dữ ngó chồng bảo:

- Anh say rượu.

Chàng ngó vợ, mắt hơi lờ ra, rồi trên khuôn mặt rộng phệ của chàng lần lần hiện lên một vẻ hách dịch.

- Anh không hiểu em muốn nói gì.

Nàng đã định tuôn ra một tràng những lời giận dữ trách móc, nhưng bỗng ngồi phịch xuống ghế, úp mặt vào bàn tay khóc. Harold nhìn nàng một lát rồi những giọt lệ ròn ròn trên má. Chàng đưa hai tay ra, lại gần nàng. Quỳ xuống. Chàng khóc nức nở, ghì lấy nàng bảo:

- Em tha thứ cho anh, tha thứ cho anh. Anh hứa sẽ không xảy ra như vậy nữa. Chỉ tại cái bệnh sốt rét tai hại đó thôi.

Nàng rên rĩ:

- Em xấu hổ đến chết mất.

Chàng khóc như một em bé. Con người trịnh trọng đó mà tự hạ như vậy, coi thật cảm động. Millicent ngừng đầu lên, chàng ăn năn nhìn nàng.

- Anh có chịu đem danh dự của anh ra thề với em rằng không khi nào anh còn đụng tới một giọt rượu nữa không?

- Anh xin thề, xin thề. Anh ghét rượu quá rồi.

Lúc ấy nàng mới cho hay rằng mình có mang. Chàng mừng quýnh.

- Hợp lúc quá. Tin ấy sẽ giữ anh theo con đường chính được.

Họ trở về nhà. Harold đi tắm rồi đánh một giấc ngắn. Sau buổi tối, họ bình tĩnh ngồi nói chuyện lâu với nhau. Chàng chịu nhận rằng trước khi cưới, chàng đôi khi uống quá chén, ở những chỗ hẻo lánh này, dễ bị nhiều tật xấu lắm. Millicent ngó ý gì, chàng cũng đều cho là phải hết.

Mấy tháng trước khi nàng phải tới Kuala Solor để nằm, Harold thật không đáng chê vào đâu cả: âu yếm, ân cần với vợ, hãnh diện về vợ; tóm lại là một người chồng kiểu mẫu. Một chiếc tàu lại đón nàng, nàng phải xa chồng sáu tuần, và chàng hứa suốt thời gian đó không uống một giọt rượu.

Vẫn cái vẻ nghiêm trang, chàng đặt tay lên vai vợ, bảo:

- Anh đã nói thì giữ lời. Với lại trong khi em vượt cạn như vậy mà anh nở lòng nào làm cái gì bậy cho em lo lắng thêm nữa được chứ.

Bé Joan ra đời. Millicent ở nhà hai vợ chồng viên Công sứ, ông bà Gray. Bà vào tuổi trung niên, rất dễ thương, đối với nàng rất tốt. Họ thường ngồi tâm sự với nhau hàng giờ, và lần lần Millicent biết được hết dĩ vãng rượu chè be bét của chồng. Lòng tự ái của nàng bị thương tổn, nhất là khi nàng nghĩ rằng Harold bắt buộc phải về Anh cưới vợ, nếu không thì bị đuổi. Từ đó nàng bắt đầu rầu rĩ uất hận. Và khi nàng hay tin chàng là một con sâu rượu không sao chữa được thì nàng đâm lo ngại. Ở nhà một mình chàng làm sao chống được với sự thèm khát? Nàng về nhà với đứa bé và chị vú. Nàng nghỉ một đêm ở vàm sông sau khi phái một người bơi xuống về báo tin nàng tới. Trong khi tàu gần tới, nàng lo lắng nhìn về phía cầu tàu. Harold và Simpson đứng đợi ở đó. Có cả mấy người lính quân phục đang hoàng sắp thành hàng nữa. Tim nàng thất lại vì Harold hơi lão đảo như một người đứng trên một chiếc tàu trôi trôi. Chàng lại say rượu nữa rồi. Về nhà mà thấy nông nổi đó thì chán quá.

*

* *

Trong khi kể chuyện, Millicent gần như quên hẳn rằng cha mẹ và em đương lặng lẽ nghe. Bây giờ nàng mới bình tĩnh, nhận thấy họ ở xung quanh. Tất cả những gì nàng mới gọi lại đó có vẻ như xa, xa lắm rồi. Nàng nói tiếp:

- Lúc đó con biết rằng con ghét con người đó quá. Có thể giết được.

Bà mẹ la lên:

- Đừng nói vậy, Millicent. Đừng quên rằng anh ấy chết rồi, tội nghiệp!

Millicent nhìn mẹ, mặt nàng lạnh lùng bây giờ cau có, sa sầm lại. Ông Skinner ngồi không yên.

Kathleen bảo:

- Chị kể tiếp đi.

- Khi nó thấy con biết rõ đầu đuôi rồi, thì hẳn chẳng cần giấu giếm nữa. Ba tháng sau lại bị một cơn mê sảng.

Kathleen hỏi:

- Thế tại sao chị không li thân?

- Ích lợi gì? Li thân thì hẳn sẽ mất việc nội trong nửa tháng. Và ai lo cho tôi và cháu Joan? Cho nên phải ở lại. Nói cho ngay khi không uống rượu thì hẳn không có gì đáng trách cả. Hẳn không yêu chị nhưng cũng tỏ vẻ âu yếm. Mà chị nhận lời hẳn cũng chỉ để có gia đình thế thôi. Chị tìm mọi cách để hẳn không có rượu uống. Chị xin ông Gray ra lệnh cấm chở whisky từ Kuala Solor tới, nhưng hẳn mua được của bọn Trung Hoa. Chị rình hẳn như mèo rình chuột, nhưng hẳn tinh ranh quá. Ít lâu sau, hẳn lại bị một cơn nữa. Hẳn bỏ bê công việc. Chị sợ sẽ có lời tố cáo. Cũng may mà chỗ chị cách Kuala Solor hai ngày tàu. Nhưng chắc đã có gì tới tai ông Gray rồi, vì ông viết một bức thư khuyến cáo gửi riêng cho chị. Chị chìa thư ấy cho Harold. Hẳn nổi lên đình lên, sùng sộ nhưng chị thấy rằng hẳn sợ rồi, và trong hai ba tháng hẳn tạm nhịn được rượu. Rồi lại uống lại. Cứ như vậy cho tới hạn được nghỉ phép.

Trước khi đi, chị năn nỉ hẳn, van lơn hẳn phải giữ gìn đừng để cho người ta biết chị đã cưới thằng chồng ra sao. Suốt thời gian ở Anh hẳn đàn ông lắm, và trước khi xuống tàu trở về nhiệm sở chị lại cảnh cáo hẳn nữa. Hẳn yêu bé Joan và hãnh diện về nó lắm, quý nó hơn là quý chị. Chị hỏi hẳn có muốn sau này nó lớn lên, hay rằng bố nó là một tên nghiện rượu không. Nghĩ tới điều ấy hẳn đâm hoảng. Chị bảo hẳn rằng chị không khi nào chấp nhận điều đó được và nếu hẳn cứ say sưa, bé Joan có thể thấy được thì chị sẽ cho nó sống xa bố nó liền. Khi chị nói vậy hẳn tái mặt đi. Tối đó chị quì xuống cảm ơn Chúa đã cho chị thấy con đường cứu vớt chồng chị.

Harold bảo, nếu chị chịu giúp đỡ ảnh thì ảnh ráng thử chữa một lần nữa. Thế là cả hai quyết tâm cùng gắng sức với nhau. Và ảnh đã tận lực chống với tật nghiện. Khi nào thấy sắp chống không nổi thì ảnh lại kiếm chị. Ảnh có tính hay khoa trương, làm bộ ta đây, vậy mà đối với chị thì tự hạ như một em bé, xin chị che chở cho. Có thể rằng khi cưới, ảnh không yêu chị, nhưng lúc đó thì yêu chị và bé Joan lắm. Trước kia chị ghét ảnh vì ảnh đã làm cho chị nhục nhã, vì mỗi khi say rượu mà ráng làm bộ oai nghiêm, chị thấy sao mà tởm thế; nhưng bây giờ trong lòng chị phát hiện tình cảm kì quặc, ngượng ngịu. Ảnh không phải là chồng chị nữa mà như một đứa con chị đã mang nặng đẻ đau vậy. Anh hãnh diện về chị lắm mà chị cũng vậy. Chị không còn bức mình về những lời bất tuyệt của ảnh nữa, chị thấy những bộ tịch của ảnh ngộ nghĩnh tức cười thôi. Rốt cuộc anh chị đã thắng. Trong hai năm ảnh không hề uống rượu, hết thềm nó rồi có thể nói đùa về nó nữa.

Vào hồi ấy thầy Simpson bị đổi đi nơi khác, một thanh niên tên là Francis lại thay. Có lần Harold khoe.

- Francis này, tôi là một thằng nghiện rượu đã được cải hóa. Không có nhà tôi thì tôi đã bị đuổi cổ từ lâu rồi. Tôi may mắn gặp được người vợ hiền nhất thế giới.

Nghe ảnh nói vậy, chị xúc động biết bao. Thực đã bỏ công chị. Chị cảm thấy sung sướng quá.

Millicent ngừng kể. Nàng nhớ lại con sông rộng, vàng đầy bùn mà nàng đã sống bao năm ở trên bờ. Một đàn cò trắng cánh loang loáng trong ánh hoàng hôn run rẩy, bay thấp và mau, theo dòng sông rồi phân tán ra. Chúng như một chuỗi nốt nhạc du dương, trong trẻo phát ra do những ngón tay vô hình nhấn trên một thụ cầm cũng vô hình (...)

Rồi bé Joan đau. Suốt ba tuần lễ, anh chị rất lo lắng. Phải ra Kuala Solor mới có bác sĩ, xa quá, đành phải nhờ một thầy lang bản xứ trị cho vậy. Khi cháu khỏi rồi, chị đem cháu ra vàm sông để cháu được hít gió biển, lần đó là lần đầu tiên chị xa Harold, kể từ khi sanh ra cháu ở Kuala Solor. Hai mẹ con ở đó một tuần trong cảnh hoàn toàn cô tịch mặc dầu gần đó có một xóm nhà sàn của những người đánh cá, vì vậy chị nhớ Harold tha thiết, và lúc ấy chị mới bỗng nhận ra chị yêu anh. Chị nóng lòng muốn tỏ tình với anh, nên khi chiếc prahu lại đón, chị mừng lắm. Chị nghĩ chắc anh sẽ sung sướng lắm. Còn nỗi vui của chị thì không tả được. Phải chèo ngược dòng, và người cầm lái bảo rằng thầy Francis phải vô trong ngọn để bắt một người đàn bà đã giết chồng.

Chị ngạc nhiên rằng Harold không ra cầu tàu đón chị; vì luôn luôn anh nhã nhặn về điểm đó lắm; anh thường bảo vợ chồng đối với nhau nên lễ độ như đối với khách. Chị tự hỏi anh có bận việc gì không. Chị leo lên ngọn đồi nhỏ để lên nhà. Chị vú dắt bé Joan theo sau. Lạ quá, nhà sao lặng lẽ như tờ, cơ hồ như bọn bồi bếp cũng đi đâu hết, thật không sao hiểu nổi. Hay là Harold không ngờ chị về sớm nên đã đi đâu đó. Chị leo mấy bậc thang. Bé Joan khát, và chị vú dắt nó xuống nhà bếp kiếm cái gì cho nó uống. Harold không có trong phòng khách. Chị cất tiếng gọi, không thấy đáp. Thất vọng, chị bước vô phòng ngủ. Thì ra Harold không đi đâu cả mà đương nằm ngủ. Chị nghĩ bụng “Ngộ chưa, anh chàng này vẫn tự hào rằng không khi nào ngủ trưa, ngủ trưa là một thói không cần thiết của người da trắng”. Chị rón rén lại gần, muốn phá ảnh chơi, bắt ảnh tại trận, chị vén màn lên. Anh nằm ngửa, cởi trần, chỉ quấn mỗi một chiếc xà rồng. Bên cạnh có một chai whisky cạn, say túy lúy. Lại chứng nào tật nấy. Thế là công khó nhọc mấy năm nay đổ xuống sông xuống biển hết. Ước mơ của chị tan như mây khói. Lần này thì tuyệt vọng, chị nổi điên lên.

Millicent lại đỏ mặt tía tai lên, hai tay nắm chặt lấy chiếc ghế:

- Tôi nắm vai nó, lay thật mạnh và hét: “Đồ heo, đồ heo nhơ nhớp”. Tôi giận quá không biết mình làm gì, nói gì nữa. Tôi lay nữa. Coi thân hình nó to lớn, nung núc ở trần như vậy, sao mà tởm quá. Râu ria tua tủa ba ngày không cạo, mặt phị ra, đỏ gay. Nó thở phì phì. Tôi quát tháo mà nó không biết gì cả. Tôi rón rén lòi nó ra khỏi giường, nhưng nó nặng quá. Nó nằm trơ trơ như khúc gỗ. Tôi gầm lên: “Mở mắt ra”. Rồi lại lay nữa. Tôi ghét nó quá, sau một tuần lễ tôi yêu nó bao nhiêu, bây giờ tôi ghét nó bấy nhiêu, nó phản bội tôi. Nó phản bội tôi. Tôi phải cho nó biết nó nhơ nhớp ra sao, con heo đó. Nhưng nó cứ trơ trơ ra thôi. Tôi hét: “Để tao sẽ làm cho mày phải mở mắt ra”. Tôi nhất quyết bắt nó phải nhìn tôi.

Quả phụ đưa lưỡi liếm môi. Nàng có vẻ thở hổn hển. Nàng ngừng kể.

Kathleen bảo:

- Anh đã như vậy thì tốt hơn chị cứ để cho anh ngủ.
- Một chiếc parang treo trên tường, gần giường. Nó thích chơi những đồ lạ đó.

Bà Skinner hỏi:

- Parang là cái gì?

Ông chồng bực tức đáp:

- Đừng hỏi vớ vẩn nữa. Có một chiếc treo trên tường, ngay sau lưng mình kìa.

Ông trở thanh kiểm Mã Lai mà không hiểu vì lẽ gì, ông bất giác dăm dăm nhìn nó từ nãy giờ. Bà Skinner hoảng hốt, thu mình trong một góc đi vắng, như thể có người cho hay một con rắn uốn khúc ngay bên cạnh bà.

- Thành linh máu vọt từ cuống họng Harold ra. Họng bị một vết đứt dài, túa máu.

Kathleen gần như nhảy chồm lại Millicent hỏi:

- Trời ơi, chị muốn nói gì vậy hả?

Bà Skinner há hốc miệng ra, đứng nhìn Millicent bằng cặp mắt trùng trùng hoảng hốt:

- Chiếc parang không còn treo ở trên tường nữa mà nằm trên giường.

Lúc đó nó mới mở mắt ra. Cặp mắt y hệt cặp mắt của con Joan.

Ông Skinner hỏi:

- Ba không hiểu. Anh ấy ở trong tình trạng hôn mê như con mới tả thì làm sao có thể tự sát được.

Kathleen nắm cánh tay của chị, lắc mạnh:

- Millicent, làm ơn giảng cho nghe.

Millicent gỡ cánh tay ra:

- Tôi đã nói chiếc parang treo trên tường. Tôi không biết việc gì đã xảy ra. Chỉ thấy máu vọt ra và Harold mở mắt ra. Không nói một tiếng, cũng không thở hắt ra nữa. Gần như chết tức thì.

Sau cùng, ông Skinner mới cất tiếng được:

- Con khốn nạn kia, đó là một vụ cố sát chứ còn gì nữa.

Millicent mắt có vằn đỏ, nhìn cha, vẻ vừa oán ghét, vừa khinh bỉ, khiến ông bất giác thụt lùi, bà Skinner rên rỉ:

- Millicent, con không làm điều đó, phải không con. Con không thể làm điều đó được.

Millicent cười ngạo, khiến ba người kia lạnh mình, máu như ngừng chảy. Nàng bảo:

- Không phải tôi thì ai vào đó nữa.

Ông Skinner lầm bầm: “Chúa ơi!”. Kathleen đứng thẳng người, hai tay đè lên tim, như để che cho nó khỏi đập mạnh quá. Nàng hỏi:

- Rồi làm sao nữa.

- Tôi la lên, chạy ra cửa sổ gọi chị vú. Chị dắt Joan đi qua sân để lên. Tôi hét: “Joan ở lại, đừng cho nó lên”. Chị ta giao Joan cho người bếp giữ. Tôi thúc chị ta lên mau. Khi chị ta vô, tôi trở Harold bảo: “Ông sắp đã tự sát”. Chị hét lên một tiếng, chạy biến mất.

Không ai muốn lại gần cả. Họ hết hồn. Tôi viết thư cho Francis cho hay việc gì đã xảy ra và

bảo thầy ấy về gấp.

- Chị kể hết cho thằng ấy sao.

- Tôi bảo ở vàm sông trở về nhà thì thấy Harold dứt cuống họng. Ở miền nhiệt đới phải chôn gấp. Tôi mua một cỗ quan tài Trung Hoa, bảo lính đào huyệt ở sau đền. Khi Francis trở về, thì Harold đã được chôn gần hai ngày rồi. Tôi bảo thấy chiếc parang ở trong tay Harold vậy chắc là trong cơn mê sảng, Harold đã tự sát. Tôi chỉ cho hắn coi chai whisky cạn. Bọn bồi bếp trong nhà đều khai rằng từ ngày tôi ra nghỉ ở bờ biển, lúc nào chủ của chúng cũng say mềm. Tôi kể lại y như vậy cho các người ở Kuala Solor nghe. Ai cũng có thiện cảm với tôi, và chính phủ cấp cho tôi tiền quả tuất.

Mọi người làm thình một lát, sau cùng ông Skinner định thần lại trước tiên.

- Tao là một luật gia, tao làm đại tụng. Tao có bốn phận phải làm. Nhà này từ trước tới giờ ai cũng cư xử đàng hoàng. Mà đặt tao vào một tình thế ghê gớm quá.

Ông ta lắp bắp, đầu óc tán loạn, tìm tiếng không ra. Millicent ngạo nghễ nhìn cha.

- Ba tính làm gì?

- Đó là một vụ cố sát, không có tên gì khác để gọi nữa. Nếu ta nhắm mắt bỏ qua thì mang tội đồng lõa.

Kathleen nói một cách gay gắt:

- Đừng nói bậy nữa ba. Cha mà đi tố cáo con à.

Ông Skinner lặp lại:

- Tao bị đặt vào một tình thế ghê gớm quá.

Millicent lại nhún vai:

- Cả nhà bắt tôi nói. Mà tôi phải một mình mang nỗi khổ tâm đó lâu rồi. Bây giờ đến lượt cả nhà phải chia sẻ với tôi.

*

* *

Đúng lúc đó, chị ở mở cửa bảo:

- Thưa ông, anh Davis đã đánh xe lại.

Millicent nói:

- Ra xe thì vừa.

Bà Skinner hoảng hốt la lên:

- Tôi không thể lại dự cuộc tiếp tân đó nữa đâu. Tâm thần tôi rối loạn rồi đây. Mặt mũi nào mà gặp ông bà Heywood được nữa. Rồi Đức Giám mục muốn gặp được Millicent nữa.

Millicent nhún vai, thản nhiên; cặp mắt vẫn còn mĩa mai. Kathleen bảo:

- Phải tới đó dự chớ má. Không tới thì kì cục quá.

Nàng hăm hăm quay lại nhìn Millicent: Chuyện đó thật tửm.

Bà Skinner thất vọng nhìn chồng, ông lại đưa tay ra đỡ vợ đứng dậy.

- Phải đi chứ mình.

Bà rên rỉ:

- Mà tôi lại đội cái mũ có lông con ó biển này mà chính anh Harold tận tay tặng cho tôi nữa.

Ông chồng đỡ bà vợ bước ra khỏi phòng, Kathleen nối gót, còn Millicent đi cách vài bước ở phía sau. Nàng bình tĩnh bảo:

- Rồi ba má sẽ quen đi. Mới đầu con không nhớ tới, bây giờ có khi quên bằng đi hai ba ngày liền. Không phải như khi đích thân mình gặp tai nạn đâu.

Mấy người kia làm thính, họ đi qua phòng ngoài rồi ra cổng. Ba người đàn bà ngồi phía sau, ông Skinner ngồi cạnh người tài xế. Xe cũ, không có đề-ma-rơ tự động, anh Davis phải lái mũi xe quay ma-ni-ven[9]. Ông Skinner quay lại phía sau giận dữ nhìn Millicent bảo:

- Đáng lẽ mày đừng bắt tao nghe chuyện đó mới phải. Quân ích kỷ.

Davis leo lên xe, đưa họ tới dự cuộc tiếp tân ngoài vườn của ông bà Heywood.

[1] Đoạn này tóm tắt sáu trang đầu.

[2] Người Anh có tục khoảng 5 giờ chiều thì uống trà và ăn bánh. Joan là con gái của Millicent, còn nhỏ.

[3] Ông Heywood làm mục sư

[4] Nón làm bằng một thứ điên điên lợp vải trắng, có vành rộng mà bọn thực dân các xứ nóng thường đội.

[5] Tiếng Mã Lai trò chiếc ca-nô của thổ dân.

[6] Một loại cây kè nhỏ mọc ở sông.

[7] Tiếng Mã Lai trò làng, xóm.

[8] Tức làm một quan cai trị ở thuộc địa.

[9] Tức tay quay (để khởi động xe). (Goldfish).

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>